

Thứ ba, ngày 24 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/3/2020	•		
Tuần 23/3-27/3/2020	•		
Tháng 3/2020	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong những phút đầu phiên sáng, nhiều cổ phiếu giao dịch tích cực đã giúp VN-Index hồi phục nhẹ. Tuy nhiên, biến động mạnh của một số mã chủ chốt như VIC, VHM, VRE, PLX, MSN đã nhanh chóng kéo chỉ số lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Tới phiên chiều, lực đỡ của GAS, VNM, BID, VCB, BVH là không đủ để giúp thị trường hồi phục trước áp lực quá lớn của bộ ba nhà Vín. Chỉ số tiếp tục ghi nhận giảm điểm với thanh khoản giảm nhẹ, trong khi khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng. nỗ lực của FED khi công bố gói nới lỏng định lượng không giới hạn nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đã có tác động tích cực tới các TTCK chủ chốt trong khu vực nhưng chưa có ảnh hưởng tương tự tới thị trường Việt Nam. Trong nước, động thái can thiệp tỷ giá VND/USD mặc dù chưa thể có tác động mạnh tới tâm lý nhà đầu tư nhưng cũng cho thấy chính sách điều hành mang tính chủ động trong thời gian tới.

Hợp đồng tương lai: VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2005 và VN30F2006 đang giảm. Thanh khoản tăng nhẹ, VN30 có thể tích lũy quanh vùng 620-630 điểm trong những phiên tiếp theo.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/03/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều giảm, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Nước & Năng lượng_0.9%. 15/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -1.1%

Phân tích kỹ thuật: DBD_ Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Cập nhật iBroker: KBC, ACB, TPB, DRC, LPB, TCB

Điểm nhấn

- VN-Index **-7.38 điểm**, đóng cửa 659.21. HNX-Index **+0.49 điểm**, đóng cửa 96.95.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.33); VNM (+1.25); BID (+0.96); VCB (+0.87); BVH (+0.52).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-4.84); VHM (-3.64); VRE (-0.80); MWG (-0.38); SAB (-0.31).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,033 tỷ đồng**, **-5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 14.01 điểm. Thị trường có **158 mã tăng**, 65 mã tham chiếu và **196 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **661.72 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (113.61 tỷ), HPG (101.75 tỷ) và VRE (81.96 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **44.43 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

659.21

Giá trị: 3033.54 tỷ

-7.38 (-1.11%)

Khối ngoại (ròng): -661.72 tỷ

HNX-INDEX

96.95

Giá trị: 407.27 tỷ

0.49 (0.51%)

Khối ngoại (ròng): -14.35 tỷ

UPCOM-INDEX

48.51

Giá trị: 0.19 tỷ

0.94 (1.98%)

Khối ngoại (ròng): -22.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	24.5	4.92%
Giá vàng	1,579	1.63%
Tỷ giá USD/VND	23,598	0.20%
Tỷ giá EUR/VND	25,554	1.24%
Tỷ giá JPY/VND	21,283	0.57%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	0.93%
LS TPCP 5 năm	2.3%	-0.61%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	5.4	MSN	113.4
CTG	3.4	HPG	101.9
PHR	1.5	VRE	81.9
FPT	1.3	SVC	67.4
APG	1.0	VHM	54.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **15/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -1.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **7/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

24/3/2020

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Nước & Năng lượng	0.9%	-6.7%	-21.7%	-29.4%	-33.3%	-31.0%	1.1%	15.6%
Ngân hàng	0.9%	-10.2%	-26.4%	-21.0%	-22.0%	-17.9%	29.2%	22.6%
Dầu khí	0.7%	-10.6%	-31.1%	-40.8%	-46.0%	-45.1%	-31.7%	24.1%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-12.7%	-28.1%	-31.7%	-33.0%	-31.7%	-32.7%	19.7%
VN FinSelect	-0.4%	-9.7%	-24.0%	-19.6%	-21.9%	-22.8%	1.6%	19.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	-9.3%	-22.6%	-24.7%	-29.5%	-19.0%	10.4%	18.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	-7.1%	-16.6%	-20.2%	-18.6%	-19.3%	9.3%	15.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.6%	-10.8%	-26.2%	-20.7%	-22.7%	-23.3%	3.8%	20.6%
Ngành Dược	-0.6%	-4.1%	-16.3%	-15.2%	-14.7%	-12.9%	12.8%	18.1%
VN Diamond	-0.6%	-9.4%	-24.3%	-23.6%	-28.7%	-18.2%	9.6%	18.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.6%	-10.6%	-29.0%	-27.2%	-30.5%	-16.6%	31.6%	20.4%
Xây dựng	-0.7%	-7.2%	-21.8%	-27.4%	-38.6%	-42.4%	-36.8%	18.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.8%	-10.9%	-23.9%	-27.4%	-32.0%	-28.7%	1.5%	15.6%
Hàng tiêu dùng	-0.8%	-9.8%	-26.7%	-30.6%	-39.2%	-34.5%	-4.3%	18.8%
Chiến tranh thương mại	-0.9%	-14.2%	-29.1%	-35.3%	-39.2%	-40.4%	-33.6%	16.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.4%	-12.1%	-24.6%	-32.4%	-34.6%	-41.9%	-9.8%	21.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.5%	-10.8%	-24.3%	-26.3%	-31.1%	-24.5%	9.4%	16.5%
BDS & Khu công nghiệp	-2.0%	-12.4%	-25.7%	-31.3%	-34.9%	-32.9%	-8.4%	16.9%
FTSE Việt Nam	-2.7%	-14.5%	-27.5%	-31.7%	-34.0%	-33.8%	16.0%	15.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-2.7%	-13.9%	-28.1%	-32.7%	-36.2%	-35.8%	10.6%	14.9%
Lãi suất giảm	-3.2%	-14.6%	-30.0%	-31.1%	-36.2%	-37.2%	-12.7%	18.5%

Mục tiêu								
Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Danh mục 4	0.2%	-10.2%	-25.8%	-28.7%	-30.8%	-17.4%	30.9%	19.6%
Danh mục 1	0.0%	-10.2%	-24.2%	-25.7%	-27.0%	-20.9%	25.3%	18.2%
Danh mục 6	-0.1%	-9.9%	-27.7%	-25.7%	-30.4%	-26.2%	6.9%	19.7%
Danh mục 3	-1.3%	-9.7%	-29.7%	-29.6%	-35.7%	-29.9%	6.7%	21.3%
Danh mục 9	-2.0%	-12.1%	-30.7%	-31.7%	-33.8%	-33.5%	27.4%	20.5%

* Note
7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro								
Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro								
Danh mục 10	0.3%	-11.5%	-24.2%	-27.7%	-29.6%	-19.4%	8.9%	16.4%
Danh mục 11	0.1%	-9.6%	-20.0%	-23.3%	-27.5%	-16.3%	11.6%	16.8%
Danh mục 12	-2.5%	-12.1%	-27.2%	-29.7%	-33.9%	-21.0%	35.8%	17.8%

2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

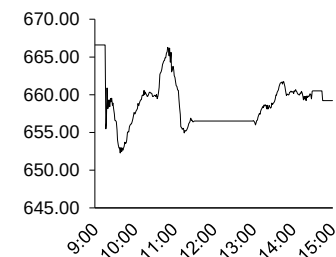
INDEX								
VNINDEX	-1.1%	-11.6%	-27.0%	-30.7%	-33.4%	-32.9%	-7.8%	16.2%
VN30INDEX	-1.2%	-10.6%	-25.3%	-27.5%	-31.7%	-31.1%	-6.0%	16.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

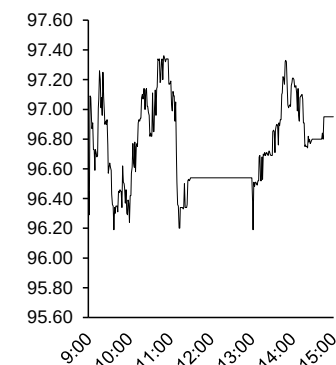
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	4.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.9%
Hóa chất	1.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.8%
Ngân hàng	0.8%
Viễn thông	0.4%
Công nghệ Thông tin	0.2%
Y tế	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Du lịch và Giải trí	-0.4%
Dầu khí	-0.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.8%
Tài nguyên Cơ bản	-1.0%
Dịch vụ tài chính	-1.8%
Ô tô và phụ tùng	-2.9%
Bán lẻ	-3.6%
Truyền thông	-3.7%
Bất động sản	-5.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DBD_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, đường RSI nằm trên kênh Bollinger trên.

Nhận định: DBD đang nằm trong nhịp hồi phục ngắn hạn sau khi tích lũy quanh vùng giá 43. Thanh khoản cổ phiếu duy trì ở ngưỡng trung bình 20 phiên trong các phiên giao dịch gần nhất, cho thấy động lực tăng đang dần hình thành. Chỉ báo RSI đang và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lại dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đang hình thành. Như vậy DBD có thể kiểm tra lại ngưỡng khan cực ngắn hạn 52 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 24/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 24/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	24.76	6.04%	-9.37%	-53.70%	-57.85%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	28.37	4.96%	-1.25%	-51.00%	-57.30%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	45.18	9.71%	-36.49%	-74.30%	-75.12%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1574.09	1.34%	3.00%	-4.20%	21.86%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	14.00	5.57%	11.00%	-24.30%	-7.31%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	884.25	0.03%	7.28%	-1.60%	-7.65%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	556.25	-1.11%	11.42%	0.80%	7.33%		AFX
Sữa	USD /cwt	15.47	-0.32%	-2.03%	-9.60%	-2.40%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	150.50	1.07%	-6.98%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.04	1.19%	-0.45%	-26.10%	-21.37%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	121.25	1.29%	16.70%	15.50%	10.73%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	4630.00	-3.74%	-12.48%	-19.20%	-26.97%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3425.00	0.12%	-3.41%	-2.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1561.00	-1.33%	-6.81%	-8.80%	-17.10%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	636.00	-0.39%	-4.36%	-5.80%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	64.65	-3.15%	-2.19%	-4.40%	-24.52%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent tăng 5 US cent lên 27.03 USD/thùng, trong khi dầu WTI tăng 73 US cent hay 3.2% lên 23.36 USD/thùng.
- Giá dầu thô tăng nhẹ do hy vọng gói kích thích của chính phủ và ngân hàng trung ương có thể thúc đẩy các nền kinh tế thế giới, đồng thời Saudi Arabia và Nga có thể hòa giải sau khi thỏa thuận giảm sản lượng sụp đổ trong 2 tuần trước.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 4.1% lên 1,559.55 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 tăng 5.5% lên 1,567.6 USD. Giá vàng tăng hơn 4% sau khi Cục dự trữ Liên bang Mỹ thực hiện các bước mạnh mẽ để chống lại ảnh hưởng của virus corona tới nền kinh tế, trấn an tâm lý của nhà đầu tư.
- Ngân hàng trung ương Mỹ đã công bố loạt biện pháp kích thích khổng lồ mới để hỗ trợ kinh tế Mỹ, bao gồm mua trái phiếu không giới hạn để duy trì chi phí đi vay ở mức thấp và thiết lập các chương trình nhằm đảm bảo dòng tín dụng cho nhiều đối tượng. Chỉ số USD đã giảm hơn 1% so với các đồng tiền chủ chốt sau thông báo mới nhất của Fed.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 0.13 US cent hay 1.2% lên 11.04 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 3.8 USD hay 1.1% xuống 340.6 USD/tấn.
- Các đại lý cho biết áp lực bán ra của các quỹ đã dịu đi và thị trường có thể củng cố trong ngắn hạn. Tuy nhiên, phạm vi phục hồi có vẻ hạn chế với những lo ngại rằng sự suy yếu trong thị trường ethanol có thể thúc đẩy các nhà máy Brazil sử dụng mía để sản xuất thêm đường hơn là nhiên liệu sinh học này.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 1.55 US cent lên 1.2125 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London duy trì tại 1,244 USD/tấn.

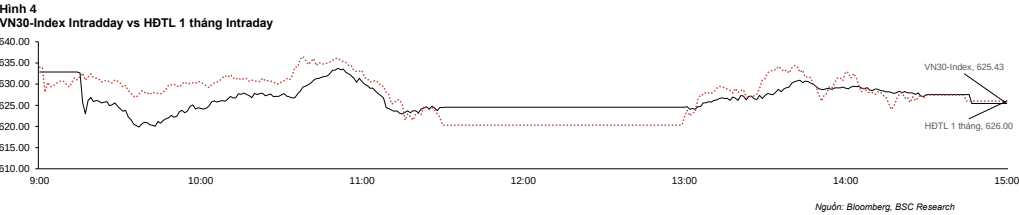
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 4/2020 trên sàn TOCOM giảm 5.1 JPY xuống 148.9 JPY (1.4 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 445 CNY xuống 9,630 CNY (1,354 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo (TOCOM) giảm phiên thứ 3 liên tiếp xuống mức thấp nhất trong gần 4 năm, do sự lây lan nhanh chóng virus corona làm gia tăng lo lắng về suy thoái toàn cầu và nhu cầu nguyên liệu này.

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa ở mức 629 CNY (88.41 USD)/tấn. Giá quặng sắt Đại Liên giảm 6% dẫn tới đợt bán tháo mạnh mẽ khác của kim loại đen này ở Trung Quốc, khi các biện pháp chặt chẽ hơn để ngăn chặn đại dịch Covid-19 xóa đi triển vọng phục hồi kinh tế toàn cầu.
- Sự lây lan nhanh chóng của virus corona đã gây ra làn sóng phong tỏa cộng đồng và dừng các hoạt động kinh doanh trên khắp thế giới, làm giảm triển vọng phục hồi kinh tế tại Trung Quốc, quốc gia sản xuất và xuất khẩu thép hàng đầu thế giới.
- Thép thanh dùng trong xây dựng trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 3%, trong khi thép cuộn cán nóng giảm 3.7%.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	625.00	0.14%	0.57	117.1%	210,798	4/16/2020	25
VN30F2005	621.00	-0.11%	-4.43	155.6%	897	5/21/2020	60
VN30F2006	620.50	-0.05%	-4.93	17.3%	244	6/18/2020	88
VN30F2009	625.40	0.50%	-0.03	17.6%	127	9/17/2020	179

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -7.43 điểm xuống mức 625.43 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VHM, MWG, STB, và VRE tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tiếp tục giảm đầu phiên sáng xuống 620, trước khi phục hồi, vận động giằng co quanh 624-632 điểm. Thanh khoản tăng nhẹ, VN30 có thể tích lũy quanh vùng 620-630 điểm trong những phiên tiếp theo.

- VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2005 và VN30F2006 đang giảm. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2005, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động hồi phục trong dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2001	HSC	6/22/2020	90	2:1	61,170	-7.4%	5.0 triệu	33.14%	1,500	1,480	42.31%	579.20	2.56
CVIC1902	SSI	4/22/2020	29	1:1	47,740	1093.5%	1.0 triệu	23.78%	22,700	40	33.33%	-	-
CMSN2001	KIS	12/16/2020	267	5:1	18,770	-61.8%	2.0 triệu	28.98%	2,300	1,240	18.10%	212.50	5.84
CNVL2001	KIS	12/16/2020	267	4:1	20,000	n/a	2.0 triệu	18.47%	2,300	1,770	18.00%	108.00	16.39
CDPM2001	KIS	6/19/2020	87	2:1	195,240	-9.1%	2.0 triệu	31.89%	1,000	250	13.64%	29.00	8.62
CFPT1908	MBS	6/17/2020	85	3:1	111,820	-4.9%	2.4 triệu	26.84%	3,150	500	11.11%	75.60	6.61
CRREE1905	MBS	6/17/2020	85	3:1	45,310	81.3%	2.4 triệu	28.42%	2,150	400	11.11%	30.50	13.11
CHPG2003	MBS	5/4/2020	41	3:1	327,200	62.6%	6.0 triệu	30.05%	1,570	150	7.14%	-	-
CVNM1902	KIS	3/26/2020	2	10:1	2,491,580	2289.3%	5.0 triệu	25.61%	1,900	10	0.00%	-	-
CHDB2004	SSI	5/14/2020	51	1:1	370,320	162.3%	3.0 triệu	28.87%	3,200	70	0.00%	0.10	700.00
CVIC1903	KIS	5/15/2020	52	10:1	356,010	70.3%	4.0 triệu	23.78%	1,430	40	0.00%	-	-
CVNM1903	SSI	4/22/2020	29	1:1	2,900	-75.2%	1.0 triệu	25.61%	26,600	380	-2.56%	-	-
CSTB2002	KIS	12/16/2020	267	1:1	181,640	692.5%	3.0 triệu	30.05%	1,700	1,330	-2.92%	200.20	6.64
CVPB2004	SSI	5/14/2020	51	1:1	263,900	-13.6%	3.0 triệu	33.14%	4,100	330	-2.94%	58.80	5.61
CSTB2001	KIS	6/19/2020	87	1:1	171,130	-50.7%	5.0 triệu	30.05%	1,500	570	-5.00%	47.70	11.95
CHPG1909	KIS	5/15/2020	52	2:1	222,160	-4.2%	5.0 triệu	30.05%	1,800	90	-10.00%	0.20	450.00
CHDB2001	KIS	6/19/2020	87	2:1	211,100	7439.3%	5.0 triệu	28.87%	2,000	120	-25.00%	1.50	80.00
CMBB1903	SSI	4/22/2020	29	1:1	269,770	33.6%	3.0 triệu	26.97%	4,000	90	-25.00%	-	-
CVJC1902	SSI	4/22/2020	29	1:1	44,010	-56.2%	1.0 triệu	23.55%	27,900	50	-28.57%	-	-
CMWG2004	SSI	6/15/2020	83	1:1	185,270	496.5%	1.0 triệu	30.30%	13,600	370	-36.21%	7.80	47.44
CVIC2001	KIS	12/16/2020	267	5:1	100	n/a	2.0 triệu	23.78%	2,700	1,130	-48.17%	5.00	226.00
Tổng:					5,597,140		63.80 triệu	27.72%*					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/03/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều giảm, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CVPB2001 và CNVL2001 tăng mạnh lần lượt là 42.31% và 18.00%. Trái lại, CVIC2001 giảm mạnh -48.17%. Giá trị giao dịch tăng 51.74%. CVNM1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 28.96% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2002 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	86.10	2.87	1.81
VCB	58.00	1.40	0.32
GAS	56.20	4.27	0.30
VJC	96.50	0.73	0.25
BVH	34.55	6.97	0.21

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	71.5	-6.90	-3.33
VHM	55.3	-6.90	-2.09
MWG	68.8	-4.18	-1.21
STB	8.8	-3.51	-0.79
VRE	17.7	-6.84	-0.73

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2001	23,000	20,000	19,500
CVIC1902	137,700	115,000	71,500
CMSN2001	77,289	65,789	49,100
CNVL2001	75,088	65,888	52,000
CDPM2001	16,567	14,567	11,400
CFPT1908	63,450	54,000	44,500
CRREE1905	39,124	32,977	28,200
CHPG2003	26,810	22,100	17,100
CVNM1902	151,203	132,203	86,100
CHDB2004	31,700	28,500	19,000
CVIC1903	137,300	123,000	71,500
CVNM1903	145,580	118,980	86,100
CSTB2002	13,588	11,888	8,800
CVPB2004	28,100	24,000	19,500
CSTB2001	12,499	10,999	8,800
CHPG1909	28,280	24,680	17,100
CHDB2001	33,099	29,099	19,000
CMBB1903	26,000	22,000	14,800
CVJC1902	157,900	130,000	96,500
CMWG2004	24,100	10,500	68,800
CVIC2001	139,968	126,468	71,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	68.8	-4.2%	1.0	1,355	4.7	8,655	7.9	2.5	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	51.4	0.4%	1.3	503	1.8	5,361	9.6	2.5	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	34.6	7.0%	1.4	1,115	1.0	1,632	21.2	1.3	29.2%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	26.8	1.1%	0.6	269	0.3	2,623	10.2	0.9	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	71.5	-6.9%	0.9	10,515	4.6	2,268	31.5	3.2	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	17.7	-6.8%	1.1	1,749	5.3	1,253	14.1	1.5	32.4%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.0	0.0%	0.8	2,192	0.9	3,552	14.6	2.3	6.3%	16.6%
REE	Bất động sản	28.2	1.6%	0.9	380	0.6	5,287	5.3	0.8	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.4	-3.2%	1.5	212	0.6	2,850	3.3	0.7	42.7%	20.3%
SSI	Chứng khoán	12.5	-3.1%	1.3	282	1.7	1,787	7.0	0.7	52.5%	9.9%
VCI	Chứng khoán	16.0	-5.3%	1.0	114	0.1	4,218	3.8	0.6	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	12.6	-3.5%	1.7	167	1.0	1,421	8.8	0.9	54.6%	11.7%
FPT	Công nghệ	44.5	0.2%	0.8	1,312	4.2	4,631	9.6	2.2	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	43.0	-3.4%	0.4	465	0.0	4,812	8.9	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	56.2	4.3%	1.5	4,677	1.9	6,096	9.2	2.2	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	37.5	-0.8%	1.5	1,942	1.8	3,495	10.7	1.9	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	10.2	1.0%	1.5	212	2.0	1,529	6.7	0.4	18.2%	6.2%
BSR	Dầu khí	5.7	5.6%	0.8	768	0.4	1,163	4.9	0.6	41.1%	11.0%
DHG	Dược	75.6	0.1%	0.6	430	0.0	4,668	16.2	2.9	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.4	3.2%	0.6	194	0.2	774	14.7	0.6	18.4%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.6	2.0%	0.5	129	0.2	600	9.4	0.5	1.8%	5.2%
VCB	Ngân hàng	58.0	1.4%	1.3	9,353	3.8	5,003	11.6	2.7	23.8%	25.9%
BID	Ngân hàng	31.6	2.6%	1.6	5,526	1.7	2,366	13.4	1.7	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	18.3	-0.8%	1.3	2,963	5.1	2,541	7.2	0.9	29.6%	13.2%
VPB	Ngân hàng	19.5	-0.5%	1.2	2,067	4.3	3,379	5.8	1.1	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	14.8	-0.7%	1.1	1,552	4.8	3,476	4.3	0.9	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	19.6	1.6%	1.1	1,412	3.7	3,694	5.3	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	33.5	0.8%	0.9	119	0.2	5,165	6.5	1.1	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	27.0	0.0%	0.3	115	0.1	4,167	6.5	1.0	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	-0.7%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	17.1	-1.2%	1.0	2,053	10.2	2,581	6.6	1.0	37.6%	17.0%
HSG	Thép	5.1	-6.5%	1.7	93	1.1	1,161	4.4	0.4	17.9%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	86.1	2.9%	0.7	6,519	6.5	5,478	15.7	5.5	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	115.5	-1.5%	0.8	3,220	0.1	7,477	15.4	3.9	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.1	-0.2%	0.9	2,495	7.6	4,772	10.3	1.3	37.4%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	12.8	-6.9%	0.7	325	1.1	508	25.1	1.1	6.7%	4.4%
ACV	Vận tải	44.8	3.2%	0.8	4,240	0.1	2,630	17.0	3.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	96.5	0.7%	1.1	2,198	1.4	7,889	12.2	3.3	18.9%	28.7%
HVN	Vận tải	18.3	-1.3%	1.7	1,128	0.6	1,640	11.2	1.4	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	15.7	2.6%	0.9	203	0.3	1,595	9.8	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	7.6	-3.3%	0.9	93	0.6	2,421	3.1	0.5	29.9%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	52.4	2.1%	1.1	365	0.8	8,824	5.9	2.4	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	13.4	-5.0%	0.7	261	0.3	1,453	9.2	0.9	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.9	0.0%	0.8	181	0.1	1,953	5.6	0.8	6.4%	14.2%
CTD	Xây dựng	51.3	2.4%	1.1	170	0.3	8,858	5.8	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.5	0.8%	0.7	471	0.2	1,567	15.6	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.8	1.1%	0.4	202	0.5	2,769	6.8	0.8	48.9%	12.9%
POW	Điện	7.5	-4.3%	0.6	767	2.0	1,064	7.1	0.7	12.5%	9.7%
NT2	Điện	16.5	0.6%	0.6	206	0.3	2,560	6.4	1.1	17.8%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	56.20	4.27	1.26	769350.00
VNM	86.10	2.87	1.19	1.74MLN
BID	31.60	2.60	0.92	1.23MLN
VCB	58.00	1.40	0.85	1.50MLN
BVH	34.55	6.97	0.48	656590.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	19.60	1.55	0.48	4.31MLN
SHB	11.90	0.85	0.13	8.32MLN
NDN	13.70	6.20	0.04	217200.00
VCS	52.40	2.14	0.04	372900.00
IDV	32.20	9.90	0.03	4500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	-0.01	-5.12	1.47MLN	1.11MLN
VHM	-0.01	-3.92	2.04MLN	607060.00
VRE	-0.01	-0.87	6.89MLN	373600.00
MWG	0.00	-0.39	1.57MLN	192700.00
SAB	0.00	-0.31	24520.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	18.20	-8.08	-0.05	300.00
TNG	9.10	-9.90	-0.05	2.24MLN
KLF	1.90	-9.52	-0.03	9.60MLN
S99	6.40	-8.57	-0.03	1000.00
SZB	24.50	-5.77	-0.02	2200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLG	2.30	6.98	0.00	69300.00
HRC	40.65	6.97	0.02	220.00
BBC	46.80	6.97	0.01	640.00
BVH	34.55	6.97	0.48	656590.00
ABS	16.90	6.96	0.01	210860.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	16.7	0.00	144100.00
KVC	0.90	12.5	0.01	391100.00
MPT	1.10	10.0	0.00	53900.00
IDV	32.20	9.9	0.03	4500.00
ICG	7.80	9.9	0.01	18500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCL	15.30	-11.05	-0.02	11000.00
VID	3.72	-7.00	0.00	450.00
VPS	9.58	-6.99	-0.01	170.00
TAC	20.65	-6.98	-0.02	840.00
TCR	2.80	-6.98	0.00	900.00

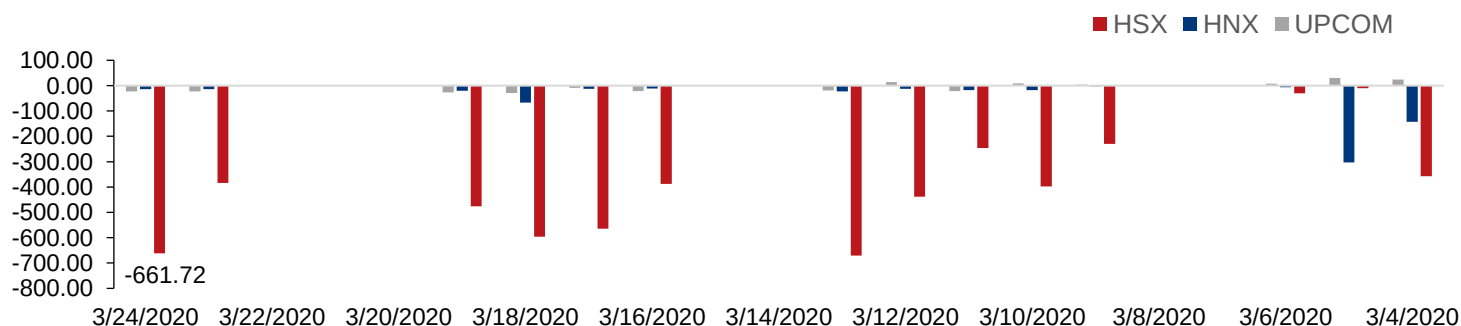
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	-14.29	0.00	314000.00
PVX	0.70	-12.50	-0.02	200200.00
VC6	8.00	-11.11	0.00	7000.00
KDM	1.80	-10.00	0.00	30400.00
TNG	9.10	-9.90	-0.05	2.24MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



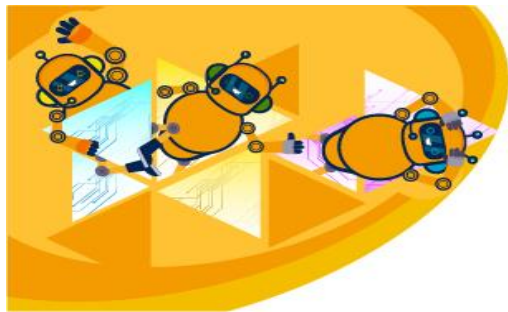
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	15.7	1,595	9.8	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	19.6	3,694	5.3	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	10.5	1,820	5.7	0.5	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	115.5	7,477	15.4	3.9	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	19.2	1,695	11.3	1.4	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	86.1	5,478	15.7	5.5	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.1	2,690	3.8	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	68.8	8,655	7.9	2.5	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	21.1	6,362	3.3	0.8	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	44.5	4,631	9.6	2.2	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.8	2,109	7.9	1.2	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	17.6	3,897	4.5	0.8	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	75.6	4,668	16.2	2.9	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	20.9	4,313	4.8	1.0	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	51.4	5,361	9.6	2.5	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	7.6	2,421	3.1	0.5	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	139.2	14,782	9.4	3.8	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	8.2	0	23.0	0.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	68.8	8,655	7.9	2.5	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	19.6	3,694	5.3	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc giảm trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn